

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-PT

Ngày: 24 - 02 - 2022

“V/v: Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2021/DSPT ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 147/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2022/QĐ-PT ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988 (có mặt)

Chị Nguyễn Thị T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: 242/1 D, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 và chị Dương Vy H2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 242/1 D, P. T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

4. *Người kháng cáo:*

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Dương Vy H2.

5. Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày có nội dung như sau:

Trên mối quan hệ quen biết nên vào ngày 19/01/2021, anh Phạm Văn H có cho chị T vay số tiền là 220.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng theo quy định của pháp luật, thời hạn trả nợ ngày 25/02/2021, khi vay tiền chị T có viết 01 giấy vay tiền. Tiếp đó, ngày 08/3/2021 chị Thủy tiếp tục vay thêm số tiền là 150.000.000 đồng, thông qua hình thức anh Phạm Văn H chuyển vào tài khoản của chị T số 63210000014229 của Ngân hàng BIDV, thời hạn trả nợ là ngày 10/3/2021. Như vậy, tổng số tiền bị đơn chị T vay là 370.000.000 đồng gốc, khi vay tiền chị T nói về giải quyết công việc trong gia đình, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng theo lãi suất Ngân hàng. Đến hạn anh Phạm Văn H đã rất nhiều lần yêu cầu chị T trả nợ gốc, lãi, nhưng chị T không trả.

Do chị T nói mục đích vay tiền về giải quyết công việc trong gia đình, nên khi không trả được nợ, anh Phạm Văn H có đến nhà chị T đòi tiền và có thông báo cho chồng chị T là anh Nguyễn Văn H1 biết việc vay tiền của chị T thì anh Nguyễn Văn H1 có đứng ra cam kết cho một thời gian để thu xếp trả nợ cho anh Phạm Văn H, rồi hứa bán tài sản để trả nhưng sau đó khi bán tài sản nhà, đất cũng không chịu trả.

Nay anh Phạm Văn H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng chị T, anh Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm trả số tiền vay nợ gốc là 370.000.000 đồng, tiền lãi theo pháp luật là 1%/tháng tính từ ngày 08/3/2021 đến nay và tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày có nội dung như sau:

Anh Nguyễn Văn H1 là chồng chị T, sau khi trao đổi với chị T thì được biết chị T vay anh Phạm Văn H số tiền 370.000.000 đồng, cụ thể việc vay mượn như anh Phạm Văn H trình bày.

Hiện số tiền vay trên chưa trả cho anh Phạm Văn H, thông qua việc anh Phạm Văn H xuống nhà đòi và qua việc khởi kiện nay xác định chị T còn nợ anh Phạm Văn H số tiền gốc là 370.000.000 đồng, nay do kinh tế khó khăn, dịch bệnh phức tạp nên cần có thời gian để thu xếp trả nợ cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án anh H có nguyện vọng thu xếp, vay để thanh toán cho anh H trước số tiền nợ 220.000.000 đồng, số nợ còn lại xin có thời gian để trả. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh nên không thu xếp được tiền, không vay mượn được nên chưa trả cho anh Phạm Văn H như nguyện vọng.

Vợ chồng anh Nguyễn Văn H1 có thửa đất số 277 (cũ 170B), tờ bản đồ số 50 (cũ 17), diện tích 161,9m²; tọa lạc tại: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 211403 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày

28/02/2019 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T, ngày 26/5/2021 vợ chồng anh Nguyễn Văn H1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho bên anh Nguyễn Văn Đ, chị Dương Vy H2 với số tiền là 720.000.000 đồng, Hợp đồng đã được Văn phòng công chứng S theo đúng quy định của pháp luật. Số tiền 720.000.000 đồng chuyển nhượng đất đã nhận đủ nay không tranh chấp gì đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với Hợp đồng này nếu sau này tranh chấp sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

Tại đơn trình bày ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày có nội dung như sau:

Chị T xác nhận có vay anh H số tiền 220.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 19/01/2021, vay số tiền 150.000.000 đồng qua việc anh Phạm Văn H chuyển khoản qua tài khoản của chị T, lãi suất thỏa thuận 3000 đồng/triệu/ngày, khi vay không thế chấp tài sản gì, thời hạn trả nợ do anh Phạm Văn H giúp đỡ nên không cam kết thời hạn trả nợ. Do dịch bệnh, kinh tế khó khăn nên chưa trả khoản nợ 370.000.000 đồng vay của anh Phạm Văn H, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ và chị Dương Vy H2 thống nhất trình bày có nội dung như sau:

Vợ chồng anh Đ, chị H2 có nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh Nguyễn Văn H1, chị T thửa đất số 277 (cũ 170B), tờ bản đồ số 50 (cũ 17), diện tích 161,9m²; tọa lạc tại: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 211403 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/02/2019 cho anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T. Hợp đồng đã được Văn phòng Công chứng T ngày 26/5/2021 theo đúng quy định của pháp luật. Số tiền chuyển nhượng là 720.000.000 đồng, đã trả đủ cho bên chuyển nhượng. Giữa các bên đang thực hiện thủ tục đăng ký sang tên, thì có quyết định ngăn chặn của Tòa án nên chưa hoàn thiện được. Anh Đ, chị H2 không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với hợp đồng này nếu sau này tranh chấp anh Đ, chị H2 sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Việc nguyên đơn có tranh chấp về việc vay mượn tiền bị đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 147/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn H.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Phạm Văn H tổng số tiền là 394.173.000 đồng (ba trăm chín mươi tư triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 370.000.000 đồng và tiền lãi là 24.173.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29/10/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị số 1086/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 05/11/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ, chị Dương Vy H2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 147/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có đơn yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 5 năm 2021 về phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 50, diện tích 161,9m², tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa và giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm buộc anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị T cùng trả nợ cho anh Phạm Văn H là không đúng vì không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện anh Nguyễn Văn H biết về việc chị T vay tiền của nguyên đơn. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 26/5/2021 giữa anh Nguyễn Văn H1, chị T với anh Đ, chị H2 không được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết trong cùng vụ án là làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của anh Đ, chị H2, giải quyết không triệt để vụ án. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là không đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm vì lý do khách quan, hồ sơ không thể hiện rõ việc tổng đạt văn bản tố tụng cho chị T nên cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt chị T là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; kháng cáo của anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn Đ và chị Dương Vy H2. Hủy Bản án sơ thẩm số 147/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong hạn luật định. Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn Đ và chị Dương Vy H2 quá hạn luật định, tuy nhiên đã được hội đồng xét kháng cáo quá hạn chấp nhận và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ, chị Dương Vy H2, xét thấy:

Về nội dung vụ án: Vào ngày 19/01/2021 anh Phạm Văn H có cho chị T vay số tiền là 220.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 25/02/2021 và ngày 08/3/2021 anh Phạm Văn H cho chị T vay tiếp số tiền là 150.000.000 đồng, thông qua hình thức anh Phạm Văn H chuyển vào tài khoản của chị T số 63210000014229 của Ngân hàng B, thời hạn trả nợ là ngày 10/3/2021. Như vậy, tổng số tiền chị T vay là 370.000.000 đồng gốc, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng theo lãi suất Ngân hàng, việc vay không thế chấp tài sản giấy tờ gì, do chị T không trả được nợ như cam kết vì vậy nguyên đơn anh Phạm Văn H khởi kiện ra Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn H buộc anh Nguyễn Văn H1 và chị T cùng có trách nhiệm trả số tiền là 394.173.000 đồng cho anh Phạm Văn H là có căn cứ. Bởi lẽ, theo Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân với số tiền lớn, tuy anh Nguyễn Văn H1 không ký tên trong giấy vay tiền nhưng anh Nguyễn Văn H1 có biết về việc vay tiền, có hứa đứng ra trả nợ, tại phiên tòa sơ thẩm cũng có quan điểm cùng chị T trả nợ cho nguyên đơn anh Phạm Văn H.

Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, theo quy định tại Điều 139, Điều 140 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phần quyết định tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn Đ và chị Dương Vy H2 có đơn đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Xét thấy, ngày 25/5/2021 nguyên đơn anh Phạm Văn H có đơn khởi kiện và đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 50, diện tích 161,9m², tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, anh Phạm Văn H xác định giá trị thửa đất là 900.000.000 đồng. Theo khoản 11 Điều 114, khoản 4 Điều 133 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “3. Trường hợp tài sản

bị yêu cầu phong tỏa là tài sản không thể phân chia được (không thể phong tỏa một phần tài sản) có giá trị cao hơn nghĩa vụ tài sản mà người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ phải thực hiện theo đơn khởi kiện, Tòa án giải thích cho người yêu cầu biết để họ làm đơn yêu cầu áp dụng phong tỏa tài sản khác hoặc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác. Nếu họ vẫn giữ nguyên đơn yêu cầu, Tòa án căn cứ vào khoản 4 Điều 133 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của họ”. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc anh H1 và chị T phải trả lại tổng số tiền 392.200.000 đồng, nhưng tài sản phong tỏa trị giá 900.000.000 đồng là cao hơn nghĩa vụ tài sản mà bị đơn có nghĩa vụ thực hiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn là không đúng. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 138, Điều 291 của Bộ luật tố tụng dân sự căn hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được nhận lại khoản tiền 40.000.000 đồng trong tài khoản phong tỏa số 1021301269 tại Ngân hàng N- Chi nhánh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 06 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Văn H1 với anh Nguyễn Văn Đ, chị Dương Vy H2, các bên chuyển nhượng thửa đất số 277 (cũ 170B), tờ bản đồ số 50 (cũ 17), diện tích 161,9m²; tọa lạc tại: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 211403 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/02/2019 cho anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các bên không tranh chấp gì đối với hợp đồng chuyển nhượng này và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, nếu có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do không được chấp nhận kháng cáo nên anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn Đ và chị Dương Vy H2 mỗi người đều phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 138, Điều 291, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 1086/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Hùng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn

Văn Đ và bà Dương Vy H2 – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 147/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn H.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Phạm Văn H tổng số tiền là 394.173.000 đồng (ba trăm chín mươi tư triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 370.000.000 đồng và tiền lãi là 24.173.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T phải chịu 19.708.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Phạm Văn H 9.805.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0004109 ngày 25/5/2021.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn Đ và chị Dương Vy H2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 60AA/2021/0009780, 60AA/2021/0009779, 60AA/2021/0009778 ngày 06/12/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 5 năm 2021 về phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

Nguyên đơn anh Phạm Văn H được nhận lại khoản tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) trong tài khoản phong tỏa số 1021301269 tại Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 06 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức